TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút
2. Bà Lê Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly *hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2023, đơn trình bày ngày 10/5/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng M kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M thường đi nhậu say về đánh đập, hù dọa bà, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Nhiều lần bà bỏ đi, gửi đơn lên Tòa để ly hôn thì anh M hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Đến

nay mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hồng M.

Về quan hệ con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/8/2015. Ly hôn bà T yêu cầu giao hai con cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 23/5/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Hồng M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc T về điều kiện kết hôn, thời điểm và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường cãi nhau, xúc phạm nhau, việc bà T cho rằng ông đánh đập là không có. Hiện tại vợ chồng ông không sống chung. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Ngọc T có 02 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/8/2015. Ly hôn, ông đồng ý nuôi hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 căn cước công dân của bà T, ông M (bản sao), 02 bản sao giấy khai sinh của con, 01 Bản trình bày ý kiến của nguyên đơn, 02 Bản tự khai của ông M và của hai con; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T; Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho bà T được ly hôn ông Nguyễn Hồng M; Về con chung, đề nghị xử giao hai con Nguyễn Gia H, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/8/2015 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự sơ thẩm bà Thái phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét

tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hồng Mxây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M thường đi nhậu say về đánh đập, hù dọa bà, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Nhiều lần bà bỏ đi, gửi đơn lên Tòa để ly hôn thì anh M hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Hiện tại mâu thuẫn không hòa giải được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Theo ông M thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường cãi nhau, xúc phạm nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, nay bà Thái yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Qua xác minh tại địa phương cho thấy thời gian gần đây bà T đã chuyển đi nơi khác sống và không thông báo địa chỉ mới. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và xử cho bà được ly hôn ông M.

[3] Về con chung: Bà T và ông M xác định có hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/8/2015. Xét thấy, cả hai con đều trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với cha, đồng thời bà T yêu cầu giao con cho ông M nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao hai con Nguyễn Gia H và Nguyễn Hoàng H cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà T phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Hồng M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn ông Nguyễn Hồng M.

Về con chung: Xử giao hai con Nguyễn Gia H, sinh ngày 31/01/2013 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/8/2015 cho ông Nguyễn Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Thị Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Trần Thị Ngọc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà T đã nộp tại biên lai thu số 0009931 ngày 25/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã H;
(GCNKH số 86/2012)
- Lưu hồ sơ;